

Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng thu nhập: lý thuyết và thực tiễn ở Việt Nam

LÊ QUỐC HỘI

***B**ài viết đã giới thiệu một số lý thuyết về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng thu nhập; vận dụng vào phân tích thực trạng tăng trưởng kinh tế, bất bình đẳng và giảm nghèo ở Việt Nam, qua đó đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, bảo đảm công bằng xã hội và lợi ích chính đáng của mọi tầng lớp nhân dân trong quá trình phát triển.*

1. Các lý thuyết về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng thu nhập

- Tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng từ lâu đã trở thành chủ đề được quan tâm của các nhà nghiên cứu ở các nước phát triển cũng như đang phát triển.

Giả thuyết hình chữ U ngược của Kuznets (1955) có lẽ là nghiên cứu đầu tiên xem xét mối quan hệ giữa bất bình đẳng trong phân phối thu nhập và tăng trưởng kinh tế. Theo Kuznets, bất bình đẳng sẽ tăng cùng với tăng trưởng trong giai đoạn đầu của sự phát triển, do một lượng di chuyển lớn của những người làm trong lĩnh vực nông nghiệp với thu nhập thấp sang lĩnh vực công nghiệp với thu nhập cao hơn, nhưng phân phối không công bằng. Tuy nhiên, trong giai đoạn sau của sự phát triển, khi một số lượng lớn dân số đã chuyển sang khu vực đô thị, sẽ có một sự gia tăng tiền lương tương đối của những người lao động nghèo ở cả thành thị và nông thôn. Sẽ có nhiều giải pháp chính sách được thực hiện để giảm bất bình đẳng trong nội bộ ngành và giữa các ngành. Do vậy, bất bình đẳng thu nhập chung trong nền kinh tế sẽ giảm trong giai đoạn sau của sự phát triển. Một hàm ý chính sách rút ra từ lý thuyết của Kuznets là: nếu trong giai đoạn đầu tăng trưởng dẫn đến bất bình đẳng hơn, thì giảm

nghèo sẽ mất nhiều thời gian hơn ở các nước đang phát triển.

Trong những thập kỷ gần đây, một loạt các lý thuyết khác đã được đưa ra để xem xét mối quan hệ giữa tăng trưởng và bất bình đẳng. Thay vì tập trung vào giả thuyết của Kuznets, các nhà nghiên cứu trong lý thuyết tăng trưởng nội sinh đã đưa ra những công trình nghiên cứu để tìm hiểu tác động của bất bình đẳng lên tăng trưởng kinh tế. Mặc dù hầu hết các công trình nghiên cứu đều chỉ ra tác động tiêu cực của bất bình đẳng đến tăng trưởng, nhưng các kênh mà qua đó tác động này thực hiện là có sự khác nhau giữa các lý thuyết. Trên thực tế, có 6 dòng lý thuyết xem xét mối quan hệ giữa tăng trưởng và bất bình đẳng.

- Lý thuyết kinh tế chính trị được xây dựng bởi các nhà nghiên cứu Alesina và Rodrik (1994), Persson và Tabellini (1994) đã cố gắng xây dựng một cầu nối giữa lý thuyết tăng trưởng nội sinh và lý thuyết kinh tế chính trị nội sinh. Trong xã hội dân chủ, mức thuế được xác định bởi những người trung lưu. Thuế được giả định tỷ lệ thuận với thu nhập và chi tiêu công sẽ tăng vì doanh thu thuế được phân bổ tới tất cả mọi người. Tuy nhiên, lợi ích của người nghèo nhận được sẽ lớn hơn lợi ích của người giàu. Do vậy, người

Lê Quốc Hội, TS., Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

nghèo sẽ ưa thích một mức cao của sự phân bổ thuế. Nhưng trong xã hội bất bình đẳng, thu nhập của người trung lưu là thấp hơn mức thu nhập trung bình, khi đó một lượng lớn người ưa thích mức phân bổ lại thu nhập sẽ làm hạn chế đầu tư do lợi ích thu được thấp. Tác động tiêu cực của bất bình đẳng sẽ được nhân lên nếu mức độ lệch của của cải không hướng về người nghèo. Hàm ý của lý thuyết này là một xã hội càng rời xa mẫu hình dân chủ thì càng có ít cơ hội để giảm mức độ bất bình đẳng qua phân phối lại.

- Lý thuyết thị trường vốn không hoàn hảo được xây dựng bởi các nhà nghiên cứu Galor và Zeira (1993), Aghion và Bolton (1997), Chiou (1998) dựa trên vai trò được thực hiện bởi sự không hoàn hảo trên thị trường vốn. Cụ thể, trong những nước mà các chủ thể không có được tiếp cận tự do với các nguồn vốn vay, bất bình đẳng hàm ý rằng một tỷ lệ tương đối lớn của dân số sẽ nằm dưới mức chi phí chuẩn của giáo dục. Do vậy, đầu tư vào nguồn nhân lực sẽ thấp và nếu tăng trưởng được dựa trên đầu tư vào nguồn nhân lực thì tăng trưởng cũng sẽ thấp. Sự phân bổ lại sẽ làm tăng tổng sản lượng và tăng trưởng, bởi vì nó cho phép người nghèo có thể đầu tư vào nguồn nhân lực của họ. Nếu nền kinh tế phát triển, thị trường vốn sẽ được hoàn thiện và những tác động liên quan tới sự không hoàn hảo của thị trường vốn sẽ đóng vai trò quan trọng hơn ở những nước nghèo hơn là những nước giàu. Do vậy, những tác động có thể dự báo của bất bình đẳng đến tăng trưởng kinh tế sẽ lớn hơn về mức độ đối với những nước nghèo. Lập luận về sự không hoàn hảo của thị trường vốn cũng rất phù hợp để giải thích mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và tỷ lệ đói nghèo. Trong khi bất bình đẳng không phải luôn luôn có nghĩa rằng một tỷ lệ lớn của dân số là quá nghèo để tiếp cận vốn, thì một tỷ lệ lớn của đói nghèo sẽ không có nghi ngờ gì rằng có nhiều người hơn bị ràng buộc về vốn. Chẳng hạn, bất bình đẳng trong một nền kinh tế có thể cao trong khi cuộc sống của tất cả mọi người dân trong

nước được cải thiện. Do vậy, chúng ta có thể dự đoán một mối quan hệ tiêu cực giữa tăng trưởng kinh tế và đói nghèo.

- Lý thuyết liên kết của Benabou (1996) cung cấp một khung khổ mà ở đó tác động của tái phân phối lên tăng trưởng là không nhất thiết tuyến tính. Có hai tác động ngược chiều nhau. Tái phân phối sẽ tốt nếu chi tiêu công được dành cho đầu tư giáo dục ở một nước với thị trường vốn không hoàn hảo và sẽ xấu nếu nó chỉ chuyển giao thu nhập từ người giàu sang người nghèo, bởi vì nó làm giảm lợi tức từ đầu tư của người giàu. Do vậy, tăng trưởng là có liên kết hình chữ U ngược đối với tái phân phối và tái phân phối là có liên kết hình chữ U ngược đối với bất bình đẳng.

- Lý thuyết bất ổn định về chính trị - xã hội được xây dựng bởi các công trình nghiên cứu của Alesina và cộng sự (1996), Benhabib và Rustichini (1996), Grossman và Kim (1996). Lý thuyết này nhấn mạnh hệ quả của bất bình đẳng đến sự bất ổn định chính trị và xã hội. Cụ thể, bất bình đẳng là một nhân tố quan trọng quyết định đến bất ổn về chính trị, xã hội và nó có tác động tiêu cực đến tăng trưởng thông qua việc làm giảm kỳ vọng lợi ích từ đầu tư. Bất bình đẳng làm gia tăng xung đột xã hội, hệ quả là làm cho quyền sở hữu tài sản kém đảm bảo và làm giảm tăng trưởng. Hơn nữa, sự tham gia của người nghèo vào tội phạm và những hành động chống đối xã hội là biểu hiện của lãng phí trực tiếp nguồn lực vì thời gian và vật chất của tội phạm không đóng góp vào hoạt động sản xuất. Những hoạt động phòng chống tội phạm tiềm năng cũng biểu hiện một sự lãng phí nguồn lực khác nữa.

- Lý thuyết những vấn đề về giáo dục và sinh sản được xây dựng bởi Perotti (1996). Theo lý thuyết này, bất bình đẳng có tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế thông qua quyết định của các hộ gia đình về giáo dục và sinh đẻ. Bố mẹ phải tối ưu việc sử dụng những nguồn lực của gia đình bằng cách thông qua cải thiện về chất lượng (giáo

đục) hoặc về số lượng (sinh đẻ) của con cái họ. Do giáo dục có chi phí tương đương với những thu nhập kiếm được mà họ mất đi khi ở trường, các gia đình nghèo sẽ không đầu tư vào giáo dục và thay vào đó là vào số lượng con cái. Tuy nhiên, tăng trưởng được thúc đẩy bởi sự đầu tư vào nguồn nhân lực, do vậy một xã hội có bất bình đẳng cao sẽ thể hiện một số lượng lớn những gia đình nghèo đầu tư vào số lượng hơn là vào giáo dục. Tỷ lệ sinh sản cao của xã hội này sẽ dẫn đến tăng trưởng thấp.

- Lý thuyết so sánh xã hội được xây dựng bởi Knell (1998). Lý thuyết này được xây dựng trên cơ sở lý thuyết về liên kết của Benabou (1996). Lý thuyết này dựa trên giả định rằng, tối đa hóa lợi ích của mỗi cá nhân không chỉ phụ thuộc vào mức tiêu dùng của bản thân, mà còn phụ thuộc vào mức tiêu dùng trung bình của một số nhóm tiêu biểu. Trong một xã hội bất bình đẳng, các gia đình nghèo thường bị cám dỗ phải tuân theo quy tắc và kỳ vọng về những chuẩn mực xã hội, bằng cách tham gia vào những hoạt động tiêu dùng cao hơn và bằng cách giảm đầu tư vào giáo dục để giảm khoảng cách với những gia đình giàu. Những hoạt động như vậy sẽ tối đa hóa phúc lợi hiện tại, nhưng sẽ làm giảm tăng trưởng và phúc lợi tương lai.

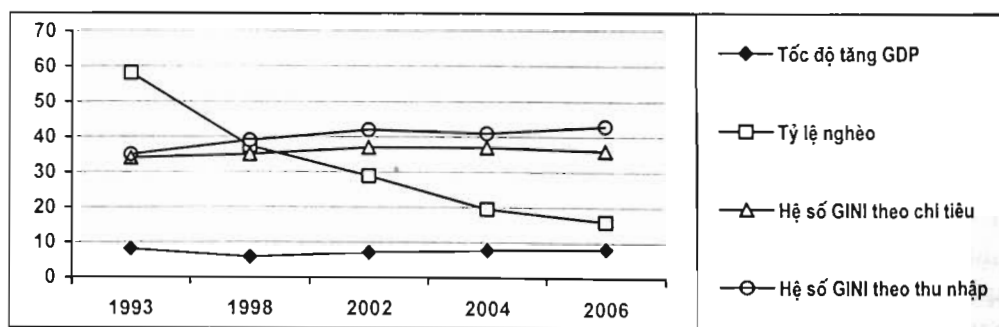
Như vậy, các lý thuyết đã đưa ra nhiều kênh mà qua đó bất bình đẳng có thể tác động đến tăng trưởng và sự tác động này có thể diễn ra theo nhiều chiều. Hơn nữa, nó cũng rất khó để xác định kênh nào sẽ có vai

trò chi phối nếu chỉ sử dụng các lý thuyết và phân tích định tính. Do vậy, để nghiên cứu mối quan hệ giữa tăng trưởng và bất bình đẳng, cần thiết phải xem xét các kênh tạo ra bất bình đẳng và ước lượng tác động của những kênh này đến tăng trưởng kinh tế.

2. Thực trạng về tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng ở Việt Nam

Sau hơn 20 năm thực hiện đường lối đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu nổi bật về tăng trưởng kinh tế. Tăng trưởng cao, liên tục đã đem lại lợi ích cho mọi khu vực, mọi tầng lớp dân cư và là yếu tố quyết định nâng cao mức sống nhân dân, giảm nhanh tỷ lệ nghèo (hình 1). Trong giai đoạn 1993-2006, tăng trưởng kinh tế đạt bình quân khoảng 7,5%; tỷ lệ nghèo cũng giảm nhanh từ 58,1% năm 1993 xuống còn 15,9% năm 2006, bình quân mỗi năm giảm trên 2% hộ nghèo. Thu nhập bình quân của 20% nhóm nghèo nhất năm 1995 là 74.300 đồng/người/năm, đến năm 2002 đạt 107.000 đồng/người/năm và tăng lên 184.300 đồng/người/năm vào năm 2006 (Bảng 2). Bên cạnh đó, chất lượng cuộc sống của người dân ở các vùng nghèo, xã nghèo được nâng cao. Các vùng miền núi và trung du Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên là những vùng có thu nhập bình quân đầu người thấp nhất, nhưng số hộ tự đánh giá là có mức sống khá lên là khá cao (lần lượt là 57,78%; 58,44% và 49,46%)¹. Điều này chứng tỏ thành quả của tăng trưởng đã được phân bổ đến tầng lớp dân cư nghèo.

HÌNH 1: Tăng trưởng kinh tế, bất bình đẳng và giảm nghèo của Việt Nam



Nguồn: Tổng cục Thống kê và Điều tra mức sống hộ gia đình từ năm 1993 đến 2006.

1. Báo cáo tóm tắt kết quả khảo sát mức sống hộ gia đình năm 2006 của Tổng cục Thống kê.

Nhờ duy trì tăng trưởng cao, Nhà nước cũng đã dành nguồn lực đáng kể cho các chương trình an sinh xã hội cho người nghèo. So sánh số liệu điều tra hộ gia đình năm 1998, 2004 và 2006 ở Bảng 1 cho thấy độ bao phủ của bảo hiểm y tế đã tăng trong tất cả các nhóm thu nhập và chính sách phân phối lại thông qua

cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí là đặc biệt có lợi cho người nghèo. Nhóm nghèo nhất có sự gia tăng nhanh nhất về tỷ lệ phần trăm người có bảo hiểm y tế, từ 6,22% năm 1998 lên 22,69% năm 2004 và 66,3% năm 2006. Nhóm nghèo nhất cũng đã vươn lên đứng đầu về mức độ bao phủ về bảo hiểm y tế năm 2006.

BẢNG 1: Tỷ lệ phần trăm người có bảo hiểm y tế theo các nhóm thu nhập

Nhóm thu nhập	1998	2004	2006
Nhóm nghèo nhất	6,22	22,69	66,3
Nhóm cận nghèo	9,67	23,22	48,9
Nhóm trung bình	13,59	26,15	44,3
Nhóm cận giàu	20,18	34,41	49,1
Nhóm giàu nhất	28,99	44,12	57,1

Nguồn: Điều tra mức sống hộ gia đình năm 1998, 2004 và 2006.

Tuy nhiên, cùng với tăng trưởng, bất bình đẳng thể hiện qua hệ số GINI theo tiêu dùng của Việt Nam có xu hướng tăng (tuy không quá lớn) trong những năm qua, từ 35% năm 1993, lên 34% năm 1998 và 36% năm 2006. Hệ số GINI theo thu nhập có sự gia tăng nhanh hơn từ 34% năm 1993 lên 39% năm 1998 và 43% năm 2006. Tuy nhiên, hệ số GINI của Việt Nam chưa tính tới những bất bình đẳng bắt nguồn từ những sự chênh lệch về tài sản và thu nhập từ thừa kế, từ đầu cơ đất đai, chứng khoán, tham nhũng... Do vậy trên thực tế, tình trạng bất bình đẳng của

Việt Nam có thể cao hơn là thể hiện qua hệ số GINI.

Một khía cạnh khác để đánh giá tình trạng bất bình đẳng ở Việt Nam là so sánh khoảng cách chi tiêu, thu nhập của người giàu và người nghèo được đại diện bởi nhóm 20% những người giàu nhất và 20% những người nghèo nhất. Ở Việt Nam, sự chênh lệch này đã và đang gia tăng liên tục và đáng kể. Theo bảng 2, năm 1995, thu nhập bình quân đầu người của những hộ gia đình giàu nhất cao gấp 7 lần so với những hộ gia đình nghèo nhất thì đến năm 2006, tỷ lệ này đã tăng lên 8,4 lần.

BẢNG 2: Thu nhập bình quân đầu người và chênh lệch thu nhập

Năm	Thu nhập bình quân một người một tháng theo giá thực tế (nghìn đồng)		Chênh lệch giữa nhóm thu nhập cao nhất so với nhóm thu nhập thấp nhất (lần)
	Nhóm thu nhập cao nhất	Nhóm thu nhập thấp nhất	
1995	519,6	74,3	7,0
1996	574,7	78,6	7,3
1999	741,6	97,0	7,6
2002	872,9	107,0	8,1
2004	1182,3	141,8	8,3
2006	1542,0	184,0	8,4

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Điều tra mức sống dân cư từ 1993 đến 2006.

Số liệu về chi tiêu ở bảng 3 cũng phản ánh tình trạng tương tự, tỷ trọng chi tiêu của nhóm người giàu nhất tăng từ 41,8% năm 1993 lên 43,3% năm 2006, trong khi đó tỷ lệ này của nhóm người nghèo nhất lại giảm từ 8,4% xuống còn 7,2% trong cùng thời kỳ. Điều này cho thấy một thực tế là sự chênh lệch về thu nhập tuyệt đối ở Việt Nam đang tăng lên nhanh. Tuy nhiên, cũng

cần phải nhìn nhận rằng bất bình đẳng này ở Việt Nam không phải là hiện tượng người giàu giàu lên, người nghèo nghèo đi mà là người giàu giàu nhanh hơn người nghèo, vì thực tế cho thấy ngay trong bối cảnh khoảng cách chênh lệch giàu nghèo doãng ra thì thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo đã tăng lên và tỷ lệ hộ nghèo đã giảm mạnh trong thời gian qua.

BẢNG 3: Tỷ trọng chi tiêu của các nhóm 20% ở Việt Nam (%)

Năm	Phản năm giàu nhất	Phản năm gần giàu nhất	Phản năm trung bình	Phản năm gần nghèo nhất	Phản năm nghèo nhất
1993	41,78	21,56	15,99	12,27	8,41
1998	43,30	21,46	15,57	10,72	8,05
2002	45,90	20,60	14,60	11,20	7,80
2004	44,68	21,82	15,20	11,18	7,12
2006	43,30	22,30	15,80	11,50	7,20

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Điều tra mức sống dân cư từ 1993 đến 2006.

Xem xét tỷ lệ nghèo ở nông thôn và thành thị ở bảng 4 cho thấy chênh lệch về tỷ lệ nghèo giữa hai khu vực này rất lớn và kéo dài trong suốt thời kỳ 1993 đến nay mặc dù tỷ lệ nghèo ở khu vực nông thôn đã giảm nhanh chóng từ 66,4% năm 1993 xuống còn 20,4% năm 2006. Tuy nhiên, do tỷ lệ nghèo ở khu vực thành thị giảm nhanh hơn từ mức 25,1% năm 1993

xuống còn 3,9% năm 2006 nên trên thực tế sự chênh lệch giàu nghèo giữa hai khu vực này ngày càng doãng ra rộng hơn. Điều này cho thấy vấn đề nghèo không chỉ chủ yếu tập trung ở các vùng nông thôn, mà tình trạng bất bình đẳng giữa nông thôn và thành thị ở Việt Nam đã trở nên đáng quan tâm hơn và cần thiết có sự can thiệp của Nhà nước.

BẢNG 4: Tỷ lệ nghèo theo khu vực ở Việt Nam thời kỳ 1993-2006

	1993	1998	2002	2004	2006
Nông thôn	66,4	45,5	35,6	25,0	20,4
Thành thị	25,1	9,2	6,6	3,6	3,9

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Điều tra mức sống dân cư từ năm 1993 đến năm 2004.

Tác động của tăng trưởng đến gia tăng bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam trong thời gian qua được bắt nguồn từ các kênh chính sau đây:

- Do chuyển đổi cơ chế từ kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường. Cơ chế mới đã loại bỏ dần tính bình quân bao cấp, phát huy các hình thức phân

phối theo nguyên tắc thị trường, khuyến khích làm giàu bằng việc phát huy các nguồn lực về vốn, trình độ học vấn, trình độ chuyên môn, sức lao động, kinh nghiệm làm ăn... Với cơ chế này, sự gia tăng bất bình đẳng ở nước ta là tất yếu, có thể chấp nhận được vì cơ chế này tạo ra động lực cho mọi người làm việc, cống hiến, qua đó tạo

động lực cho cho tăng trưởng và phát triển kinh tế. Ở một cách nhìn nhận khác, bất bình đẳng xuất phát từ kênh này ở Việt Nam vẫn ở trong giới hạn hợp lý của sự “đánh đổi”.

- *Quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa dẫn đến tăng trưởng nóng và đã làm phát sinh nhiều vấn đề xã hội bức xúc mới liên quan đến bất bình đẳng như:* nông dân mất việc làm ở vùng chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp; di cư lao động từ nông thôn ra thành thị tìm việc làm (vấn đề xã hội của lao động nhập cư); mất việc làm do tác động của hội nhập, khủng hoảng, suy thoái kinh tế toàn cầu, trong đó phần lớn là lao động kỹ năng thấp và từ nông thôn, hộ nghèo..., phần lớn trong số này lại trở về nông thôn. Tất cả những hiện tượng này dẫn đến hậu quả xã hội là phân hóa giàu nghèo có xu hướng gia tăng, vấn đề nghèo tương đối ngày càng nghiêm trọng. Bất bình đẳng xuất phát từ kênh này là vấn đề khó tránh khỏi, nhưng Nhà nước có thể can thiệp để hạn chế tình trạng này.

- *Do quá trình mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế.* Thực tế, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam đã tạo ra những nguồn lợi cho một số vùng, một số ngành và một số bộ phận dân cư trong nền kinh tế. Chênh lệch về thu nhập giữa nông nghiệp và công nghiệp, dịch vụ, giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động có tay nghề và lao động đơn giản, giữa lao động làm trong các công ty nước ngoài và lao động khu vực trong nước đã gia tăng. Những tỉnh có bộ máy hành chính kém hiệu quả và những thủ tục kinh doanh khó khăn cũng đã dẫn tới hậu quả do khu vực tư nhân ở đó kém năng động hơn, tạo ít việc làm hơn. Sự gia tăng bất bình đẳng từ quá trình hội nhập kinh tế cũng là tất yếu xảy ra và ở đây cần có vai trò quản lý, điều tiết của Nhà nước để khắc phục tình trạng này.

- *Mô hình tăng trưởng và cơ chế phân bổ nguồn lực trong thời gian qua có ảnh hưởng*

manh đến bất bình đẳng. Trong những năm qua, Việt Nam thực hiện định hướng ưu tiên phân bổ nguồn lực: (i) cho các ngành và dự án dùng nhiều vốn; (ii) cho các vùng có khả năng tăng trưởng cao (vùng trọng điểm); (iii) cho các doanh nghiệp nhà nước. Việc áp dụng mô hình tăng trưởng và định hướng phân bổ nguồn lực như vậy có những hệ quả rõ rệt đến mục tiêu nâng cao công bằng xã hội. Cụ thể là tăng trưởng cao nhưng không mở rộng cơ hội việc làm tương ứng, chi phí tạo ra một chỗ việc làm cao, có nghĩa là tăng trưởng cao nhưng tạo ít thu nhập cho người lao động. Vì vậy, lợi ích của tăng trưởng không được phân bổ một cách rộng rãi cho các tầng lớp dân cư và gây ra tình trạng bất bình đẳng. Do vậy, cần phải có sự điều chỉnh mô hình tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn tới để hạn chế bất bình đẳng từ kênh này.

- *Cơ chế xin cho, bao cấp, bảo hộ nhà nước, môi trường kinh doanh không bình đẳng đã hình thành các nhóm lợi ích mạnh và gia tăng bất bình đẳng.* Có một nhóm người giàu nhanh nhờ đặc quyền tiếp cận với các thông tin và nguồn lực phát triển. Mặt khác, một bộ phận giàu lên nhanh chóng bằng tham nhũng, buôn lậu, trốn thuế, ăn cắp bản quyền, đầu cơ đất đai, mua bán chứng khoán... Trong khi đó một bộ phận dân cư không có cơ hội làm giàu hoặc làm ăn yếu kém, sinh đẻ không có kế hoạch, sa vào các tệ nạn xã hội. Xu hướng thương mại hóa tràn lan trong giáo dục, y tế và các dịch vụ xã hội khác cũng dẫn đến người nghèo khó hoặc không thể tiếp cận, không được hưởng thụ mà lẽ ra có quyền được hưởng phúc lợi xã hội... Bất bình đẳng được bắt nguồn chính từ kênh này là vấn đề đáng lo ngại ở Việt Nam, vì nếu mọi người đều cảm thấy không công bằng và có sự gian lận trong quá trình phát triển kinh tế, thì sự liên kết xã hội sẽ bị mất và sự ổn định chính trị - xã hội sẽ bị hủy hoại. Do vậy, đây là loại bất bình đẳng mà Nhà nước cần quan tâm giải quyết.

3. Một số giải pháp để kết hợp tăng trưởng và công bằng xã hội ở Việt Nam

Các chính sách và giải pháp kết hợp giữa tăng trưởng và công bằng xã hội không những chỉ hướng tới mục tiêu công bằng trong thu nhập, mà xa hơn là mở rộng khả năng tiếp cận cho người nghèo hưởng lợi từ tăng trưởng kinh tế. Do vậy, để giải quyết tốt mối quan hệ này, cần thực hiện có hiệu quả các giải pháp sau đây.

Thứ nhất, xây dựng và thực hiện mô hình tăng trưởng công bằng, vì người nghèo. Mô hình này phải đảm bảo thu nhập của người nghèo tăng nhiều hơn so với thu nhập trung bình của xã hội và góp phần giảm nhanh tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn quy định. Trong mô hình này cần phát huy vai trò của khu vực tư nhân trong đầu tư tăng trưởng, nâng cao năng suất lao động, tạo việc làm và mở rộng sự tham gia của các đối tác xã hội vào công cuộc xóa đói giảm nghèo. Bên cạnh đó, mô hình tăng trưởng phải vừa đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng cao, ổn định, vừa phải đạt được trên diện rộng có lợi cho người nghèo.

Thứ hai, các chính sách của Nhà nước phải hướng vào việc khuyến khích, tạo cơ hội để người nghèo và các nhóm yếu thế tham gia hưởng lợi từ tăng trưởng kinh tế. Điều này có thể thực hiện qua các chính sách trợ giúp về phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, đất đai, vốn tín dụng, khuyến nông, tiêu thụ sản phẩm. Người nghèo và các nhóm yếu thế cũng cần được tạo cơ hội được tham gia, có tiếng nói của mình đối với các hoạt động lập kế hoạch phát triển kinh tế, giảm nghèo cho bản thân và địa phương. Cải cách thị trường lao động và chính sách tạo việc làm theo hướng linh động theo ngành, địa lý để tăng cơ hội cho người nghèo và nhóm yếu thế từ những tỉnh nghèo, vùng nghèo tham gia vào thị trường lao động. Mặt khác, nguồn thu nhập chính của đại bộ phận người nghèo và người yếu thế là từ nông nghiệp. Do vậy, cải thiện năng suất và tốc

độ tăng trưởng nông nghiệp là một giải pháp quan trọng để xóa đói, giảm nghèo. Nhà nước có thể thực hiện điều này thông qua đầu tư công nghệ cho nông nghiệp, phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở nông thôn.

Thứ ba, cần có những chính sách cho vấn đề di dân. Việc di dân từ nông thôn ra thành thị để cải thiện thu nhập là vấn đề phổ biến không chỉ ở Việt Nam, mà còn ở các nước đang phát triển. Tuy nhiên cần phải nhìn nhận rằng vấn đề này có cả mặt tích cực và tiêu cực. Do vậy, Chính phủ cần phải thực hiện những chính sách có mục tiêu để hạn chế những mặt tiêu cực và bảo vệ những người di cư từ những rủi ro.

Thứ tư, thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với những khu vực kém phát triển và đối với người nghèo. Điều này có thể thực hiện thông qua nhiều kênh: (i) các chương trình trợ giúp về phát triển cơ sở hạ tầng, các trợ giúp về tín dụng, đất đai, dạy nghề, tạo việc làm, truyền đạt kinh nghiệm sản xuất; (ii) các ưu đãi về y tế, giáo dục, văn hóa, nhà ở; (iii) cân đối các khoản giải ngân ODA cũng cần hướng đến các tỉnh vùng sâu, xa, vùng khó khăn. Thực tế, khi mối quan hệ giữa tăng trưởng và bất bình đẳng càng gắn kết thì vai trò của chính sách xã hội đối với quá trình tăng trưởng và giảm bất bình đẳng cần đặc biệt chú trọng hơn. Do vậy, trong quá trình tăng trưởng kinh tế, cần kiểm soát thường xuyên, chặt chẽ các chỉ tiêu phát triển xã hội, trong đó trọng tâm là xóa đói giảm nghèo, giảm bất bình đẳng và nhấn mạnh ngày càng nhiều hơn đến yêu cầu giải quyết các nội dung này trong các chính sách và giải pháp tăng trưởng.

Thứ năm, Việt Nam cần phải cải cách chính sách phân phối tài sản, thu nhập trong nền kinh tế theo hướng phải đảm bảo công bằng, hướng đến người nghèo. Hơn nữa, Nhà nước cần đưa ra và áp dụng các biện pháp để hạn chế tình trạng bất bình đẳng tài sản từ những hoạt động không phải

từ sản xuất kinh doanh như: (i) thực hiện bắt buộc việc kê khai tài sản đối với cán bộ công chức; (ii) nghiên cứu và áp dụng các loại thuế thừa kế tài sản, thuế tài sản, thuế vốn... trong thời gian tới.

Cuối cùng, để thực hiện được tăng trưởng kinh tế đi đôi với bảo đảm công bằng xã hội trong nền kinh tế thị trường, vai trò quản lý và điều tiết vĩ mô của Nhà nước là hết sức quan trọng. Nhà nước phải biết tận dụng mặt mạnh của cơ chế thị trường để giải phóng, phát triển sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đồng thời, Nhà nước phải kết hợp sử dụng có hiệu quả các công cụ pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chính sách, sức mạnh của khu vực kinh tế nhà nước để khắc phục những thất bại của cơ chế thị trường nhằm thúc đẩy kinh tế tăng trưởng bền vững, bảo đảm công bằng xã hội và bảo vệ lợi ích chính đáng của mọi tầng lớp nhân dân./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aghion, P, Caroli, E, and Garcia-Penalosa, C. 1999, *Inequality and economic growth: The perspective of the new growth theories*, Journal of Economic Literature, 37.

2. Alesina, A and Rodrick, D. 1994, *Distributive politics and economic growth*, Quarterly Journal of Economics, 109.

3. Benabou, R. 1996, *Inequality and growth*, NBER Macroeconomics Annual.

4. Benhabib, J and Spiegel, A. 1996, *Social conflict and growth*, Journal of Economic Growth, 1(1).

5. Galor, O and Zeira, J. 1993, *Income distribution and macroeconomics*, Review of Economic Studies, 60.

6. Knell, M. 1998, *Social comparisons, inequality and growth*, Mimeo, University of Zurich.

7. Lopez, H. 2005, *Growth and inequality: Are they connected?* The World Bank.

8. Lê Quốc Hội, 2009, *Tác động của tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng thu nhập đến xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, số 145, tháng 8-2009.

9. Lê Quốc Hội, 2009, *Tăng trưởng vì người nghèo ở Việt Nam: thành tựu, thách thức và giải pháp*, Tạp chí Phát triển kinh tế, số 229, tháng 11 - 2009.

10. Nguyễn Văn Nam và Trần Thọ Đạt, 2006, *Tốc độ và chất lượng tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

10. Perotti, M. 1993, *Political equilibrium, income distribution and growth*, Review of Economic Studies, 60(4).

11. Persson, T and Tabellini, G. 1994, *Is inequality harmful for growth?* American Economic Review, 84 (3).

12. Kuznets, S. 1955, *Economic growth and income inequality*, American Economic Review, 45 (1).